



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2014
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014**



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 41

Ban Tổng Giám đốc

1 Ông Nguyễn Văn Bội	Tổng Giám đốc
2 Ông Nguyễn Lê Văn	Phó Tổng Giám đốc
3 Ông Nguyễn Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc
4 Ông Lê Xuân Khoa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo đúng quy định pháp luật và cung cấp cho các bên liên quan để họ có thể đưa ra quyết định đầu tư và kinh doanh một cách chính xác và kịp thời.

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo đúng quy định pháp luật và cung cấp cho các bên liên quan để họ có thể đưa ra quyết định đầu tư và kinh doanh một cách chính xác và kịp thời.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên
4. Ông Nguyễn Hồng Phong	Thành viên
5. Ông Võ Anh Linh	Thành viên
6. Ông Nguyễn Thái Khanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Văn Độ	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Lê Văn	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Công Khởi	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Đậu Xuân Khánh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3790/2014/BCKT-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT **Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014** **đến ngày 30 tháng 06 năm 2014** **của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện**

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được lập ngày 28 tháng 08 năm 2014 từ trang 5 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1
Hà nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2014

Phạm Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1693-2013-072-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.725.449.047	239.458.131.702
I. Tiền	110	V.1	10.064.653.173	12.715.088.776
1. Tiền	111		4.683.620.344	7.334.055.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.381.032.829	5.381.032.829
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	200.000.000	936.671.105
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.175.000.000	1.985.671.105
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(975.000.000)	(1.049.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.302.097.087	116.241.836.503
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	89.056.933.144	121.730.229.106
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	8.302.936.922	6.888.284.818
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	5.911.850.119	4.940.761.626
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(17.969.623.098)	(17.317.439.047)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	81.673.383.575	76.626.768.945
1. Hàng tồn kho	141		86.182.354.859	79.542.321.341
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.508.971.284)	(2.915.552.396)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.485.315.212	32.937.766.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		43.325.374	113.481.339
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		662.644.753	655.335.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		661.721.738	834.293.293
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	33.117.623.347	31.334.656.612

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.195.170.008	92.823.055.490
I. Tài sản cố định	220		59.529.392.106	62.562.019.528
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	46.789.205.519	49.765.121.829
- Nguyên giá	222		119.860.009.097	119.860.009.097
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.070.803.578)	(70.094.887.268)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	115.988.892	172.700.004
- Nguyên giá	228		378.200.000	378.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.211.108)	(205.499.996)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12.624.197.695	12.624.197.695
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.330.081.244	29.822.179.564
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	24.310.081.244	23.802.179.564
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	6.020.000.000	6.020.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		335.696.658	438.856.398
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		168.909.058	272.068.798
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		166.787.600	166.787.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		301.920.619.055	332.281.187.192

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.465.201.865	136.899.179.489
I. Nợ ngắn hạn	310		116.858.710.048	134.266.684.876
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	6.779.574.786	9.108.509.884
2. Phải trả cho người bán	312	V.16	29.212.068.231	34.385.340.066
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	29.282.850.425	30.575.832.963
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	23.873.574.989	24.018.926.904
5. Phải trả người lao động	315		934.570.436	785.091.227
6. Chi phí phải trả	316	V.19	4.382.518.826	9.044.070.105
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	22.193.320.702	26.148.682.074
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		200.231.653	200.231.653
II. Nợ dài hạn	330		2.606.491.817	2.632.494.613
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.100.000.000	1.100.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	230.800.000	230.800.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.22	1.275.691.817	1.301.694.613
B. NGUỒN VỐN	400		179.002.886.806	191.283.698.943
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	179.002.886.806	191.283.698.943
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.684.253.731	115.684.253.731
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.225.192.271	24.225.192.271
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.421.003.330	3.421.003.330
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(64.327.562.526)	(52.046.750.389)
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	430		3.452.530.384	4.098.308.760
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		301.920.619.055	332.281.187.192



Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Văn Hội
 Kế toán trưởng

Trần Thị Len
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu B 02-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		36.273.700.102	28.557.577.450
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	36.273.700.102	28.557.577.450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36.263.151.576	25.714.026.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.548.526	2.843.550.861
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	237.850.351	361.008.359
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	973.212.528	1.568.379.154
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.047.212.528	1.387.626.593
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	481.396.036	906.666.758
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.929.374.164	6.561.590.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.135.583.851)	(5.832.077.295)
11. Thu nhập khác	31		51.423	6.015.460.077
12. Chi phí khác	32		3.334.366.613	6.857.418.312
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(3.334.315.190)	(841.958.235)
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	41		543.308.527	237.962.482
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.926.590.514)	(6.436.073.048)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.926.590.514)	(6.436.073.048)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(645.778.376)	(123.204.880)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			(12.280.812.138)	(6.312.868.168)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.228)	(619)



Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Văn Hội
 Kế toán trưởng

Trần Thị Len
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(12.926.590.514)	(6.436.073.048)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.032.627.422	4.009.555.360
Các khoản dự phòng	03	2.171.602.939	(1.115.271.435)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(237.850.351)	175.952.903
Chi phí lãi vay	06	1.047.212.528	1.387.626.593
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(6.912.997.976)	(1.978.209.627)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	29.322.034.612	40.562.234.744
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(5.046.614.630)	(1.259.627.246)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(17.253.823.437)	(14.587.527.529)
Giảm chi phí trả trước	12	173.315.705	(167.692.879)
Tiền lãi vay đã trả	13	(841.265.130)	(1.894.047.462)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(165.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(559.350.856)	20.510.130.001
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	5.885.128.545
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	237.850.351	361.008.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	237.850.351	6.246.136.904
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.628.773.551	14.228.049.325
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.957.708.649)	(39.938.892.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.328.935.098)	(25.710.843.287)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.650.435.603)	1.045.423.618
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	12.715.088.776	7.971.788.823
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	10.064.653.173	9.017.212.441



Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Văn Hội
 Kế toán trưởng

Trần Thị Len
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn****Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 8 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0100686544 ngày 04 tháng 03 năm 2013.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications investment anh Construction Joint Stock Company (Ptic.,JSC)

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Công ty con

Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ viễn thông (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103028682 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 12 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 05 tháng 4 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty con : Lô 17H2 Khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty con : Sản xuất, kinh doanh thiết bị viễn thông

Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2014: 21.702.512.373 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 72,97%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 72,97%

Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ viễn thông đang trong giai đoạn thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Tài chính Bưu điện	Phổ thông	157.800	1.578.000.000	1,58
2	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	30
3	Nguyễn Phong	Phổ thông	63.880	638.800.000	0,64

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:*

- Xí nghiệp 1
- Xí nghiệp 2 (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp 3
- Xí nghiệp 4 (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp 5
- Xí nghiệp 6 (thu hẹp hoạt động từ năm 2010)
- Xí nghiệp 7
- Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật Viễn Thông (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp Tư vấn thiết kế (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Xí nghiệp Khảo sát thiết kế (thu hẹp hoạt động từ năm 2013)
- Nhà máy Vật liệu Viễn thông 1 (ngừng sản xuất từ ngày 09 tháng 11 năm 2009)
- Chi nhánh Miền trung (ngừng hoạt động từ năm 2013)
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, dè điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch mặt bằng, kiến trúc nội thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.
- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động viễn thông có dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông không dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty có 173 lao động (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 178 lao động).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện, Công ty con là Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ viễn thông, các Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam Vina-OFC và Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung. Các Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của các Công ty liên kết chưa được soát xét.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2011/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Phần mềm kế toán

Số năm

5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết được kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tại ngày lập Báo cáo tài chính là tài sản thực đã đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết, được đánh giá hợp lý và/hoặc được các đồng chủ sở hữu (nếu có) hoặc của bên chuyển nhượng khoản đầu tư chấp nhận.

Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là các khoản thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư tương ứng. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các khoản đầu tư được phân loại và trình bày trên Báo cáo tài chính dựa vào thời gian thu hồi hoặc đáo hạn. Cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ thời điểm phát sinh được coi là khoản "tương đương tiền";
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn đến một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính dài hạn;

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác tại ngày lập Báo cáo tài chính được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo giá trị còn lại của phần tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại cổ phiếu quỹ tái phát hành sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia và quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo đó, Báo cáo bộ phận của Công ty được chia làm 2 loại: Báo cáo bộ phận chính yếu và Báo cáo bộ phận thứ yếu. Theo chính sách chung của Công ty, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên các tiêu thức doanh thu, kết quả kinh doanh và tổng tài sản bao gồm 2 lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Là hoạt động về xây lắp các công trình.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Hoạt động chủ yếu bán hàng hóa, thành phẩm cấp.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cung được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VII.2 "Nghịệp vụ và số dư với các bên liên quan".

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty áp dụng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	76.860.046	29.957.274
Tiền gửi ngân hàng	4.606.760.298	7.304.098.673
Các khoản tương đương tiền (*)	5.381.032.829	5.381.032.829
Cộng	10.064.653.173	12.715.088.776

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội theo. Đến thời điểm tắt toán, Công ty không có nhu cầu tắt toán nên gốc và lãi đã tự động quay vòng theo kỳ hạn trên hợp đồng và hưởng lãi suất tại thời điểm quay vòng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.175.000.000	1.175.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ viễn thông và in Bưu điện	1.175.000.000	1.175.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	810.671.105
- Cho vay cá nhân	-	810.671.105
Cộng	1.175.000.000	1.985.671.105
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(975.000.000)	(1.049.000.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	200.000.000	936.671.105

3. Phải thu khách hàng

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng thương mại	2.685.935.648	2.737.406.433
Phải thu khách hàng sản phẩm xây lắp	75.973.760.352	105.484.817.274
Phải thu khách hàng sản phẩm khác	10.397.237.144	13.508.005.399
Cộng	89.056.933.144	121.730.229.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Đối tượng khác	5.417.951.122	4.003.299.018
Cộng	8.302.936.922	6.888.284.818

5. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ban quản lý dự án tại thành phố Vinh	1.070.019.145	1.025.841.054
Tiền cổ tức phải thu	493.000.000	493.000.000
BHXX, BHYT phải thu CBCNV	420.673.545	95.979.909
Các đối tượng khác	3.928.157.429	3.325.940.663
Cộng	5.911.850.119	4.940.761.626

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Số đầu kỳ	17.317.439.047	19.223.323.188
Trích lập dự phòng bổ sung	795.698.302	-
Hoàn nhập dự phòng	(143.514.251)	(1.905.884.141)
Số cuối kỳ	17.969.623.098	17.317.439.047

7. Hàng tồn kho

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	221.301.642	475.897.780
Công cụ, dụng cụ	1.604.632.436	1.329.981.521
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	80.108.849.088	74.397.990.440
Thành phẩm	391.337.917	12.879.687
Hàng hóa	3.593.263.470	3.272.552.545
Hàng gửi đi bán	262.970.306	53.019.368
Cộng	86.182.354.859	79.542.321.341
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.508.971.284)	(2.915.552.396)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	81.673.383.575	76.626.768.945

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho (tiếp theo)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây	36.085.816.397	33.720.764.621
+ Trung tâm viễn thông Kim Động	22.920.000	28.200.000
+ Công trình nhà văn hóa tỉnh Lâm Đồng	1.810.505.990	352.498.084
+ Tòa nhà Viettel Phú Yên	111.811.541	111.811.541
+ Xây lắp nhà chính TTVT6 Đắk-Lăk, Đắk-Nông	22.920.000	22.920.000
+ Xây dựng hệ thống cống bể ngầm KĐT Nghĩa Đô	696.845.510	696.845.510
+ Tòa nhà Viettel Thái Nguyên	929.348.433	566.463.163
+ Trụ sở Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Đà Lạt	1.008.184.215	692.365.982
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	27.607.267	5.280.784
+ Bất động sản đầu tư	31.455.673.441	31.244.379.557
- Dự án tiểu khu đô thị VT & Công nghệ thông tin Nghệ An	31.455.673.441	31.244.379.557
Các đơn vị trực thuộc	44.023.032.691	40.677.225.819
Cộng	80.108.849.088	74.397.990.440

8. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.719.700.609	1.719.700.609
Tạm ứng	31.107.002.443	29.297.035.708
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	290.920.295	317.920.295
Cộng	33.117.623.347	31.334.656.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	36.108.371.718	74.476.285.566	7.136.690.458	2.138.661.355	119.860.009.097
Tại ngày 30/06/2014	36.108.371.718	74.476.285.566	7.136.690.458	2.138.661.355	119.860.009.097
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	12.775.322.862	48.769.953.043	6.410.950.008	2.138.661.355	70.094.887.268
Khấu hao trong kỳ	2.592.911.201	280.980.989	102.024.120	-	2.975.916.310
Tại ngày 30/06/2014	15.368.234.063	49.050.934.032	6.512.974.128	2.138.661.355	73.070.803.578
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	23.333.048.856	25.706.332.523	725.740.450	-	49.765.121.829
Tại ngày 30/06/2014	20.740.137.655	25.425.351.534	623.716.330	-	46.789.205.519

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 31.869.152.968 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	378.200.000	378.200.000
Tại ngày 30/06/2014	378.200.000	378.200.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	205.499.996	205.499.996
Khấu hao trong kỳ	56.711.112	56.711.112
Tại ngày 30/06/2014	262.211.108	262.211.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	172.700.004	172.700.004
Tại ngày 30/06/2014	115.988.892	115.988.892

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	12.034.751.445	12.034.751.445
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dây chuyền lắp ráp điện thoại Gphone	6.997.349.733	6.997.349.733
Cộng	12.624.197.695	12.624.197.695

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Đầu tư vào Công ty con**

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	2.170.251	21.702.512.373	2.170.251	21.702.512.373
Cộng	2.170.251	21.702.512.373	2.170.251	21.702.512.373

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
			%	
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Hà Nội	72,97%	72,97%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông

13. Đầu tư vào Công ty liên kết

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.729.061	24.310.081.244	2.697.519	23.802.179.564
Công ty Cổ phần Cáp Quang Việt Nam Vina_Ofc	2.227.500	19.294.467.988	2.227.500	19.101.993.119
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	501.561	5.015.613.256	470.019	4.700.186.445
Cộng	2.729.061	24.310.081.244	2.697.519	23.802.179.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Đầu tư vào Công ty liên kết (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam Vina_Ofc	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Đà Nẵng	46,73%	46,73%	Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử

14. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp (VND)	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp (VND)
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bưu điện Hà Tĩnh	84.000	840.000.000	84.000	840.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Cộng	602.000	6.020.000.000	602.000	6.020.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay các tổ chức tín dụng		
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (i)	411.738.943	411.738.943
Vay tổ chức, cá nhân khác		
- Vay cá nhân	6.243.035.843	8.447.170.941
Nợ dài hạn đến hạn trả	124.800.000	249.600.000
Cộng	6.779.574.786	9.108.509.884

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt, bao gồm 2 khế ước vay số 0140 ngày 07/01/2011 và khế ước vay số 0099 ngày 04/01/2011, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 7%/năm. Hai khoản vay này sử dụng để thanh toán LC số TF1030801008/SGO và TF103401001/SGO.

16. Phải trả người bán

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả người bán hàng thương mại	1.130.091.842	1.126.745.342
Phải trả người bán hàng sản phẩm xây lắp	27.466.125.468	26.031.110.766
Phải trả người bán hàng sản phẩm khác	615.850.921	7.227.483.958
Cộng	29.212.068.231	34.385.340.066

17. Người mua trả tiền trước

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Người mua trả tiền trước về BDS	964.360.000	5.664.360.000
Người mua trả tiền trước về xây lắp	28.318.490.425	24.339.610.057
Người mua trả tiền trước về khoản khác	-	571.862.906
Cộng	29.282.850.425	30.575.832.963

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.386.462.671	15.178.722.262
Thuế xuất, nhập khẩu	50.186.649	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.286.437.357	4.095.354.702
Thuế thu nhập cá nhân	741.728.900	609.965.747
Tiền thuê đất	1.870.156.850	1.853.092.850
Thuế khác	5.538.602.562	2.281.791.343
Cộng	23.873.574.989	24.018.926.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Chi phí phải trả

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	757.418.009	562.509.141
Chi phí dự án, công trình	3.292.267.953	7.913.626.521
Chi phí dịch vụ Funvoice	231.715.158	466.816.737
Chi phí khác	101.117.706	101.117.706
	4.382.518.826	9.044.070.105

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	670.202.676	314.180.300
BHXH, BHYT, BHTN	2.584.475.599	1.444.614.974
Cổ tức lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.750.000
Các khoản phải trả khác	17.740.067.427	23.191.136.800
- Phải trả các chủ nhiệm chi phí công trình	9.495.566.427	22.008.257.001
- Các khoản phải trả khác	8.244.501.000	1.182.879.799
Cộng	22.193.320.702	26.148.682.074

21. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay các tổ chức tín dụng		
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	230.800.000	230.800.000
Cộng	230.800.000	230.800.000

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 99.247673.TD ngày 05/11/2010 để mua 2 xe ô tô Toyota Fortuner, thời hạn vay từ ngày 05/11/2010 đến ngày 05/11/2015, lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân là 14,5% và sẽ được thay đổi theo quy định hợp đồng.

22. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Doanh thu cho thuê trạm BTS	49.629.999	73.942.617
Doanh thu công trình nhận trước của Chi nhánh Miền nam	1.226.061.818	1.226.061.818
	1.275.691.817	1.300.004.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****23. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2013	100.000.000.000	128.579.026.190	(15.905.103.159)	24.225.192.271	3.421.003.330	(53.462.458.266)	186.857.660.366
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.415.707.877	1.415.707.877
Giảm khác	-	(12.894.772.459)	15.905.103.159	-	-	-	3.010.330.700
Số dư tại 31/12/2013	100.000.000.000	115.684.253.731	-	24.225.192.271	3.421.003.330	(52.046.750.389)	191.283.698.943
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	(12.280.812.138)	(12.280.812.138)
Số dư tại 30/06/2014	100.000.000.000	115.684.253.731	-	24.225.192.271	3.421.003.330	(64.327.562.526)	179.002.886.806

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**23. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	70.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	115.684.253.731	115.684.253.731
Cộng	215.684.253.731	215.684.253.731

c) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.617.750.000	5.019.349.483
Doanh thu hoạt động xây lắp	31.504.159.012	18.911.274.991
Doanh thu khác	2.151.791.090	4.626.952.976
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.273.700.102	28.557.577.450

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.941.925.668	3.762.849.684
Giá vốn hoạt động xây lắp	31.351.377.065	18.964.843.231
Giá vốn khác	1.376.429.955	2.986.333.674
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.593.418.888	-
Cộng	36.263.151.576	25.714.026.589

3. Doanh thu tài chính

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	237.850.351	361.008.359
Cộng	237.850.351	361.008.359

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.047.212.528	1.387.626.593
Dự phòng giảm giá đầu tư	(74.000.000)	12.000.000
Chi phí tài chính khác	-	168.752.561
Cộng	973.212.528	1.568.379.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. Chi phí bán hàng**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Chi phí nhân công	32.691.055	162.648.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.002.460	241.272.727
Chi phí bằng tiền khác	236.702.521	502.745.337
Cộng	481.396.036	906.666.758

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.677.673.325	2.707.834.050
Chi phí đồ dùng văn phòng	137.178.842	35.278.957
Chi phí khấu hao TSCĐ	320.984.268	3.104.631.795
Thuế, phí và lệ phí	568.468.560	269.027.690
Chi phí dự phòng	652.184.051	(817.971.405)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.168.517.439	138.922.545
Phân bổ lợi thế KD, TM	35.406.848	35.406.848
Chi phí bằng tiền khác	1.368.960.831	1.088.460.123
Cộng	8.929.374.164	6.561.590.603

7. Lợi nhuận từ hoạt động khác

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	-	5.886.964.909
Vật tư, hàng hóa giữ hộ tập đoàn	-	-
Thu nhập từ cho thuê sân tennis	-	40.531.200
Thu nhập khác	51.423	87.963.968
Cộng thu nhập khác	51.423	6.015.460.077
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	6.422.089.807
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	2.912.179.271	116.711.281
Chi phí khác	422.187.342	318.617.224
Cộng chi phí khác	3.334.366.613	6.857.418.312
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(3.334.315.190)	(841.958.235)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(12.280.812.138)	(6.312.868.168)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	433.401.171
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.280.812.138)	(5.879.466.997)
CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.228)	(619)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.766.454.940	11.052.450.709
Chi phí nhân công	13.970.221.736	9.666.381.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.032.627.422	4.009.555.360
Thuế, phí và lệ phí	568.468.560	272.887.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.738.199.541	5.201.732.608
Chi phí bằng tiền khác	1.605.663.352	4.238.903.884
Cộng	49.681.635.551	34.441.911.196

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 "Vay và nợ ngắn hạn" và V.21 "Vay và nợ dài hạn" trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu”.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.064.653.173	12.715.088.776
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.999.160.165	109.353.551.685
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	936.671.105
Đầu tư dài hạn	6.020.000.000	6.020.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	290.920.295	317.920.295
Cộng	93.574.733.633	129.343.231.861
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	7.010.374.786	9.339.309.884
Phải trả người bán và phải trả khác	52.505.388.933	61.634.022.140
Chi phí phải trả	4.382.518.826	9.044.070.105
Cộng	63.898.282.545	80.017.402.129

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản (USD)	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	590,95	500,20
Cộng	590,95	500,20
	Công nợ phải trả (USD)	
	30/06/2014	01/01/2014
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	19.769,00	45.865,00
Cộng	19.769,00	45.865,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2014			
Các khoản vay	6.779.574.786	230.800.000	7.010.374.786
Phải trả người bán và phải trả khác	51.405.388.933	1.100.000.000	52.505.388.933
Chi phí phải trả	4.382.518.826	-	4.382.518.826
Cộng	62.567.482.545	1.330.800.000	63.898.282.545
Tại ngày 01/01/2014			
Các khoản vay	9.108.509.884	230.800.000	9.339.309.884
Phải trả người bán và phải trả khác	60.534.022.140	1.100.000.000	61.634.022.140
Chi phí phải trả	9.044.070.105	-	9.044.070.105
Cộng	78.686.602.129	1.330.800.000	80.017.402.129

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.064.653.173	-	10.064.653.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.999.160.165	-	76.999.160.165
Đầu tư ngắn hạn	200.000.000	-	200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	6.020.000.000	6.020.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	-	40.000.000
Cộng	87.303.813.338	6.020.000.000	93.323.813.338

Tại ngày 01/01/2014

Tiền và các khoản tương đương tiền	12.715.088.776	-	12.715.088.776
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.353.551.685	-	109.353.551.685
Đầu tư ngắn hạn	936.671.105	-	936.671.105
Đầu tư dài hạn	-	6.020.000.000	6.020.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	317.920.295	-	317.920.295
Cộng	123.323.231.861	6.020.000.000	129.343.231.861

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Tiền lương	303.792.215	242.967.946
Cộng	303.792.215	242.967.946

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan có giao dịch trong 6 tháng đầu năm 2014 như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Thu nhập		
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	-	43.500.000
- Bù trừ công nợ thường CBCNV vì sự nghiệp ngành Bưu điện	-	43.500.000
Cộng	-	43.500.000

Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 giữa các bên liên quan như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000.000	493.000.000
- Phải thu cổ tức	493.000.000	493.000.000
Cộng	493.000.000	493.000.000
Các khoản phải trả		
Công ty CP Xây lắp Bưu điện Miền Trung	2.602.114.376	2.602.114.376
- Phải trả tiền hàng và dịch vụ cung cấp	2.602.114.376	2.602.114.376
Cộng	2.602.114.376	2.602.114.376

3. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này:

Bộ phận xây dựng	- Xây dựng công trình theo hợp đồng
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa, thành phẩm cáp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

	Xây dựng	Kinh doanh thương mại	Khác	Tổng cộng
	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	31.504.159.012	2.617.750.000	2.151.791.090	36.273.700.102
Tổng doanh thu	31.504.159.012	2.617.750.000	2.151.791.090	36.273.700.102
Chi phí kinh doanh bộ phận	31.351.377.065	1.941.925.668	1.376.429.955	34.669.732.688
Kết quả kinh doanh bộ phận	152.781.947	675.824.332	775.361.135	1.603.967.414
Chi phí không phân bổ				(11.004.189.088)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(9.400.221.674)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				543.308.527
Doanh thu tài chính				237.850.351
Chi phí tài chính				(973.212.528)
Lãi (lỗ) khác				(3.334.315.190)
Lợi nhuận trước thuế				(12.926.590.514)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ				(12.926.590.514)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

	Xây dựng	Kinh doanh thương mại	Khác	Tổng cộng
	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	18.911.274.991	5.019.349.483	4.626.952.976	28.557.577.450
Tổng doanh thu	18.911.274.991	5.019.349.483	4.626.952.976	28.557.577.450
Chi phí kinh doanh bộ phận	18.964.843.231	3.762.849.684	2.986.333.674	25.714.026.589
Kết quả kinh doanh bộ phận	(53.568.240)	1.256.499.799	1.640.619.302	2.843.550.861
Chi phí không phân bổ				7.468.257.361
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(4.624.706.500)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				237.962.482
Doanh thu tài chính				361.008.359
Chi phí tài chính				1.568.379.154
Lãi (lỗ) khác				(841.958.235)
Lợi nhuận trước thuế				(6.436.073.048)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ				(6.436.073.048)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 đã được soát xét.



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Văn Hội
Kế toán trưởng

Trần Thị Len
Người lập biểu